

Lịch sử sự thành lập cách viết chữ Việt

Thưa quý vị, năm nay đánh dấu 39 năm rời xa quê hương của một số rất đông gia đình người Mỹ gốc Việt. Trong các gia đình người Việt di tản từ năm 1975 đến Hoa Kỳ tị nạn rồi an cư lạc nghiệp ở Mỹ, đến nay có thể có đến thế hệ thứ ba sinh sống và làm việc nơi đây. Trong 39 năm qua, bao nhiêu là ông bà cha mẹ, thầy cô giáo tình nguyện tại các trung tâm dạy tiếng Việt, các nhà văn, và những vị tâm huyết khác trong cộng đồng đã lo nghĩ làm sao cho các thế hệ nối tiếp, các thế hệ trẻ giữ được tiếng Việt.

Đến ngày nay, với cộng đồng người Mỹ gốc Việt càng ngày càng lớn, nhu cầu học tiếng Việt cũng càng ngày càng gia tăng.

Nhân dịp hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau ôn lại lịch sử về **sự thành lập cách viết chữ Việt**, tức là thứ chữ mà người Việt hiện nay đang dùng.

Trước tiên chúng tôi xin giải thích sự khác biệt giữa *chữ* Việt và *tiếng* Việt sẽ được sử dụng trong bài viết này.

Tiếng Việt có từ lâu, từ khi người Việt sống với nhau thành cộng đồng, xã hội. Tuy nhiên người Việt xưa chỉ nói **tiếng Việt** mà không viết ra hay là có mà đã thất truyền, do đó mà trong văn học nước ta mới có văn chương truyền khẩu là tục ngữ ca dao và truyện cổ tích.

Trong một thời gian khoảng hai nghìn năm, người Việt vẫn nói tiếng Việt nhưng khi viết thì viết bằng chữ Hán. Tuy nhiên không phải ai cũng viết được chữ Hán, chỉ có một số ít những người đi học thời xưa mới biết viết chữ Hán mà thôi.

Đến thế kỷ thứ 13 về đời nhà Trần, có ông Hàn Thuyên dùng chữ Nôm để làm văn thơ. Người Việt chúng ta dựa vào sự việc đó mà xem Hàn Thuyên như là ông tổ văn Nôm. Tuy nhiên, muốn viết chữ Nôm thì phải biết viết chữ Hán mới viết được chữ Nôm. Thành ra, chữ Nôm vẫn chỉ thông dụng ở trong giới có học chữ Hán (hay còn gọi là chữ Nho) thời xưa mà thôi.

Do đó chúng ta sẽ thấy rằng việc **thành lập cách viết chữ Việt** do các giáo sĩ người Âu đặt ra là một việc quan trọng có ảnh hưởng lớn đến nền văn học và giáo dục của Việt-Nam sau này.

Lý do nào mà các giáo sĩ người Âu đến Việt-Nam và đặt ra cách viết chữ Việt ?

Về thế kỷ thứ 16, trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, đã có nhiều tàu buôn ngoại quốc từ châu Âu sang châu Á. Cùng đi với các đoàn doanh nhân buôn bán là các giáo sĩ truyền đạo Thiên-Chúa.

Đến thế kỷ thứ 17, các giáo sĩ mới ở hẳn lại trong nước một thời gian lâu dài để giảng đạo.



Bản đồ Bắc-Việt do giáo sĩ Alexandre de Rhodes vẽ (1651)

Tuy nhiên, vì quan niệm về tín ngưỡng khác nhau, nên các vua chúa nước Việt không chấp nhận hẳn việc giảng đạo của các giáo sĩ. Có thời kỳ được phép giảng đạo, có khi bị cấm hẳn. Các giáo sĩ và người theo đạo đều bị trừng phạt. Tuy thế, các giáo sĩ vẫn lên đi truyền đạo và số người theo đạo cũng tăng dần.

Do nhu cầu truyền giảng đạo, các giáo sĩ người Âu muốn dịch các kinh sách và viết bằng chữ Việt để giáo dân có kinh sách đọc. Các giáo sĩ thấy ở nước Việt lúc bấy giờ có chữ Nôm là thứ chữ dùng để phiên âm tiếng Việt, nhưng học chữ Nôm mất nhiều công phu, phải biết chữ Hán mới viết được chữ Nôm. Các giáo sĩ mới **tim cách để phiên âm tiếng Việt**, và **ghi cách phát âm tiếng Việt bằng một thứ chữ viết mới dùng mẫu tự la-tinh**: thứ chữ mới đó chính là chữ Việt của thuở phôi thai vào khoảng thế kỷ thứ 17.

Việc thành lập cách viết chữ Việt chắc là một công cuộc chung, một sự đóng góp chung của nhiều người, trong đó có cả các giáo sĩ người Bồ-đào-nha và Pháp. Những bản kinh Thiên-chúa-giáo đầu tiên dịch ra tiếng Việt có từ năm 1618 mà tác giả là Francisco de Pina. Pina là giáo-sĩ Bồ-đào-nha (Portugal) dòng Jésuite, nói tiếng Việt khá rành rẽ. Năm 1622, Pina đã thực hiện được một hệ thống chuyển âm tiếng Việt thành chữ viết theo mẫu tự la-tinh: đó là tiếng Việt la-tinh-hóa. Ông cũng bắt đầu soạn một quyển sách về văn phạm tiếng Việt. Năm 1624, ông mở lớp dạy tiếng Việt; có hai học viên quan trọng đến học ông là António de Fontes, một giáo-sĩ truyền giáo trụ cột về sau này ở Nam-kỳ, và Alexandre de Rhodes. Không may cho Pina, ông chết đuối trong một vụ đắm tàu ngày 15 tháng Chạp năm 1625.

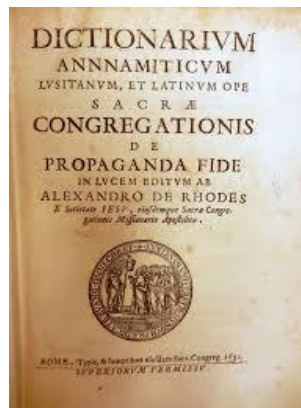
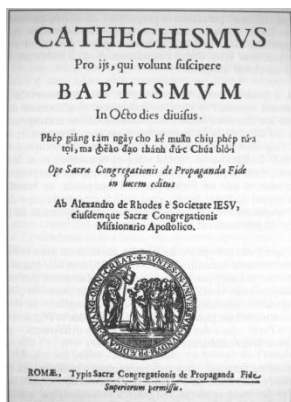
Người được xem là có công nhất trong việc thực hiện cách viết chữ Việt là giáo sĩ Alexandre de Rhodes vì ông là người đầu tiên đem in những sách bằng chữ Việt, quyển đầu tiên là một quyển tự điển. Quyển này về sau được dùng làm tài liệu để học và nghiên cứu về sự thành lập cách viết chữ Việt trong thời kỳ phôi thai.



Giáo sĩ Alexandre de Rhodes (1591-1660)

là người Pháp, quê miền Avignon, và thuộc Dòng Tên (Ordre des Jésuites). Năm 1624, ông đến Đàng Trong, tức là phần đất của chúa Nguyễn. Trong thời gian sáu tháng ở đây, ông chịu khó học tiếng Việt và nói tiếng Việt rất sôi. Từ năm 1627 đến năm 1630, ông ra Đàng Ngoài, phần lãnh thổ của chúa Trịnh, sau bị chúa Trịnh Tráng đuổi đi, ông sang Macao ở. Nhưng hễ có dịp, ông lại sang nước Việt, đi đi lại lại nhiều lần. Đến năm 1645, ông mới về hẳn Âu châu.

Trong thời gian ở nước Việt, ông nghiên cứu phong tục, lịch sử, tính tình người Việt rất am tường, kỹ càng. Ông viết nhiều sách có giá trị như quyển sách sử xứ Bắc-kỳ bằng chữ La-tinh dịch ra chữ Pháp, quyển sách giảng đạo tựa đề là *Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội* ..., và quyển tự điển tiếng Việt dịch ra tiếng Bồ-đào-nha và tiếng La-tinh.



Quyển Tự điển Việt, Bồ-đào-nha và La-tinh *Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum* của Alexandre de Rhodes được nhà in của Giáo- hội thành La-mã đúc chữ Việt lần đầu tiên và in vào năm 1651.

Theo tựa quyển tự điển này, thì trước Alexandre de Rhodes đã có các giáo sĩ Gaspar do Amaral và António Barbosa người Bồ-đào-nha soạn tự điển tiếng Việt và Bồ-đào-nha. Nhưng hai quyển này viết bằng tay nên không còn truyền lại nữa. Giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã dựa trên hai quyển này mà soạn ra tự điển của ông. Xem quyển tự điển này thì người ta nhận thấy một số chữ Việt thời đó (thế kỷ thứ 17) và ngày nay **viết khác nhau**.

Thí dụ : phụ âm **V** ngày xưa viết là **B**, như vua=bua, vó ngựa=bó ngựa

Thí dụ : phụ âm **bl** ngày nay không có nữa như trong chữ : tàu blúc blắc= tàu lúc lắc.

Blái núi=trái núi.

Phụ âm **tl** nay cũng không còn. Thí dụ con tlâu= con trâu

Tuy nhiên từ thế kỷ thứ 17, sau khi các giáo sĩ người Âu sáng chế ra cách viết chữ Việt, cho đến đầu thế kỷ thứ 20, văn tự chính thức được dùng vẫn là chữ Hán, người đi học vẫn học viết chữ Hán. Chữ Việt vẫn chưa phổ thông, người đi học, hay người dân thường vẫn chưa học viết chữ Việt.

Nhưng rồi một biến cố trọng đại khác lại đến với dân Việt để rồi chữ Việt sẽ có một địa vị quan trọng bất ngờ.



Đó là khi người Pháp đến chiếm Việt Nam làm đất thuộc địa, vào hậu bán thế kỷ thứ 19. Ngay khi đặt chân đến Nam-kỳ, các Đô-đốc người Pháp bãi bỏ lối học cũ, cho mở trường dạy chữ Việt và chữ Pháp. Ý định của họ là muốn dân Việt thoát khỏi ảnh hưởng Trung-Hoa. Mà muốn thoát ra khỏi ảnh hưởng Trung-Hoa thì việc hay nhất là không cho sử dụng chữ Hán. Thay vào đó, dân Việt được học “chữ Việt Âu-hóa”, hay là chữ Việt viết theo mẫu tự la-tinh tức là thứ chữ Việt do các giáo sĩ đặt ra chứ không phải chữ Nôm là chữ Việt dựa theo chữ Hán. Người Pháp tin là các thế hệ trẻ lớn lên không biết chữ Hán, không đọc được các sách nho-học, sẽ bị tách rời khỏi ảnh hưởng của nho-học và Trung-Hoa.

Rồi ngay cả công văn của chính phủ cũng không dùng chữ Hán mà dùng chữ Việt Âu-hóa. Mọi công chức đều phải biết đọc và viết chữ Việt Âu-hóa.

Độc-phủ-sứ Huỳnh-Tĩnh Paulus Của, giám-đốc ty phiên dịch văn án ở Soái-phủ Sài-Gòn năm 1861, đã nhìn thấy nhu cầu sử dụng chữ quốc-ngữ trong khi làm việc. Hơn ba mươi năm cần cù và kiên nhẫn, giấc mơ của ông mới hình thành: quyển *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* ra đời năm 1895.

Nhưng đa số dân chúng hãy còn ngần ngại lắm. Họ không thể trong một thời gian ngắn mà bỏ chữ Hán. Nhiều người còn cấm con cái đi học chữ Việt tại trường do chính phủ Pháp mở ra. Họ cho rằng chữ Việt chỉ là phương tiện trung gian để chuyển đổi từ chữ Hán sang chữ Pháp.

Ông Nguyễn Bá Học (1857 – 1921), một nhà văn sống vào lúc giao thời, đã ghi lại về sau này rằng khi muốn học chữ Việt, ông phải trốn đằng sau nhà để không ai trông thấy, sợ người ta cho mình là phản quốc, theo Tây.

Nhưng cũng còn may mắn cho chữ Việt Âu-hóa.



Phan Chu Trinh là một trong những sĩ phu duy-tân.

Giới **sĩ phu duy-tân**, tức là những người có nho-học, biết chữ Hán, đã chứng kiến sự thất bại của cái học cũ đối với khoa học kỹ thuật Tây-phương. Hơn ai hết, họ hiểu rằng xã hội Việt-Nam cần phải thay đổi.

Khi các sĩ phu duy-tân đích thân cổ động việc học chữ Việt mà lúc đó họ gọi là **quốc-ngữ** thì dân chúng mới bắt đầu nghe theo mà học chữ Việt.

Chính nhờ **phong trào duy-tân**, dân chúng đã được chuẩn bị để chấp nhận học thứ chữ mới là **chữ quốc-ngữ**.

Khi chính phủ thuộc địa ban hành học chế mới và triều đình nhà Nguyễn bãi bỏ các khoa thi chữ Hán năm 1918, thì dân chúng phần nào đã quen với việc học chữ Việt.

Thi sĩ Tú Xương, một người theo nho-học, trong buổi giao thời, cũng phải chấp nhận học “Á ớ u ơ ngọn bút chì”.

Nhưng số phận của chữ Việt Âu-hóa theo mẫu tự la-tinh lại một lần nữa phải chịu lận đận.

Vì chẳng bao lâu sau, chính phủ thuộc địa Pháp đổi chương trình học sang tiếng Pháp. Lúc này chính phủ thuộc địa muốn đào tạo một giới trí thức viết, nói và hiểu tiếng Pháp, để hợp tác với người Pháp.

Toàn-quyên Albert Sarraut bỏ các chương trình Việt-Pháp dạy chữ Việt và chữ Pháp để thay vào một học trình dạy toàn tiếng Pháp từ lớp đồng-ấu, tức là lớp nhỏ nhất. Tất cả các môn học đều dùng tiếng Pháp và dạy rất nhiều giờ Pháp văn.

Việc dạy học toàn bằng tiếng Pháp gây ra những sự phản đối trong giới trí thức ở Bắc-kỳ. Lý do chính được nêu ra là một chương trình dạy toàn bằng tiếng Pháp chỉ có thể thích hợp cho những trẻ em ở bên Pháp mà thôi. Còn ở Việt-Nam, nên dùng chữ Việt để dạy học thì trẻ em sẽ học hành dễ dàng và thu nhập nhanh chóng kiến thức phổ thông.



Phạm Quỳnh

Trong giới trí thức tây-học lúc bấy giờ có Phạm Quỳnh. Ông đang làm chủ-bút báo Nam-Phong. Phạm Quỳnh lo ngại rằng nếu học sinh chỉ học hoàn toàn bằng tiếng Pháp, sau này sẽ sinh ra một khoảng cách biệt rất lớn giữa những người trí thức Việt và dân chúng Việt. Nếu những người trí thức không biết nói tiếng Việt tất không thể ảnh hưởng được đến đồng bào của họ.

Thêm nữa, theo ý kiến Phạm Quỳnh, cách giáo dục hoàn toàn theo Tây-phương vẫn không thể xem là tốt đẹp được vì dân tộc Việt-Nam là một dân tộc đã có một nền văn minh riêng. Ông nói : “dân Việt-nam chúng tôi, không thể ví như một tờ giấy trắng được; dân chúng tôi là một quyển sách cổ đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai, đã mấy mươi thế-kỷ nay; không có thuốc gì xóa hẳn được thứ chữ ấy đi, không ai có quyền tự-do muốn viết gì vào đấy thì viết được.” (*Nước Pháp phải dạy người Việt-nam thế nào ?*, ngày 22 tháng 7 năm 1922)

Đầu năm 1923, Hội Khai-trí Tiên-đức đã mời nhà bác-ngữ-học nổi danh Sylvain Lévi của Collège de France đến Hà Nội, với ý định nhờ lời của ông Lévi thuyết phục chính phủ bảo hộ đổi cho bậc sơ-học được học bằng tiếng Việt thay vì tiếng Pháp.

Ông Sylvain Lévi chuyên môn khảo cứu về Đông-phương-học, nổi danh trong giới học giả thế giới đương thời. Là một nhà bác-ngữ-học, Lévi tự xưng mình là “một người chứng”, đã nhìn thấy kinh nghiệm của chính phủ Anh ở Ấn-Độ về việc cưỡng bách dân Ấn-Độ học tiếng Anh mà ông cho là một việc sai lầm. Lévi đã đưa thí dụ “ví ngữ ngôn một nước như một cái rừng rộng mênh mang, rễ cây tự dưới đất sâu ở đâu đâu lại, chằng chịt chi chít với nhau, qua đời ấy sang đời khác, dần dần dà dà, mới sinh hoa kết quả ra, hoa quả đó là các chữ, các tiếng, cái gốc tích, cái uyên nguyên nó là ở tận trong nguồn sâu của sự tư tưởng của người ta vậy. Bởi vậy nên tuy có tự diễn mà tiếng nước này không sao chuyển sang tiếng nước khác được; bởi thế nên phàm dịch tiếng nước nọ sang tiếng nước kia là không khi nào dịch được thật đúng, vì rằng cái tư tưởng, cái “tiềm lực”, cái tổ truyền của một dân tộc đã dần dần gây ra thứ tiếng ấy, không có giống với cái tư tưởng, “tiềm lực” và tổ truyền của một dân tộc khác được.”

Do sự vận động của giới trí thức Việt, Toàn quyền Pháp lúc bấy giờ là Merlin cho thay đổi học qui vào năm 1924: bậc sơ-học, học ba năm, dạy bằng tiếng Việt; lên bậc tiểu-học, học ba năm, dạy bằng tiếng Pháp. Các lớp cao hơn vẫn học toàn bằng tiếng Pháp.

Cũng vì tiếng Pháp vẫn được giữ làm chuyển ngữ tại học đường, giới trí thức đã nghĩ cách cổ động việc học chữ Việt bằng những phương cách khác.

Hội Khai-Trí Tiên-Đức đặt giải thưởng văn học cho những sách viết bằng tiếng Việt và thực hiện việc soạn quyển *Việt-Nam Tự-Điển*.

Nam-Phong tạp-chí của Phạm Quỳnh, *Trung-Bắc Tân-Văn* của Nguyễn Văn Vĩnh và nhiều báo chí khác đều viết bằng chữ Việt. Ở Hà Tiên có Đông-Hồ Lâm Tân Phác lập ra trường Tiên-đức Học-xá để dạy chữ Việt cho trẻ em.

Trên tờ *Phụ-Nữ Tân-Văn*, Phan Khôi khuyến khích mọi người viết tiếng Việt cho đúng.

Câu nói *Tiếng ta còn, Nước ta còn* chính là của Phạm Quỳnh.

Thi sĩ Tản Đà thì khuyến khích trẻ em học tiếng Việt bằng mấy vần thơ rất ngây thơ sau đây:

*Sách Việt ngữ, Chữ nước ta,
Con cái nhà, Đều phải học.
Miệng thì đọc, Tai thì nghe,
Đừng ngủ nè, Chớ lười tầu.
Em lên sáu, Học vỡ lòng,
Đọc cho thông, Thầy mẹ quý.*

Số người học tiếng Việt càng ngày càng tăng, vì chữ Việt rất dễ học, nói làm sao thì viết như vậy. Kết quả là đất nước có cả một thế hệ trí thức tân học 1930-1940 vừa nói tiếng Việt vừa viết chữ Việt. **Chứ không phải như khi xưa, thời lịch triều, nói thì nói tiếng Việt mà viết thì viết chữ Hán.**

Từ đó các nhà văn nhà thơ thời tiền chiến trước 1945 và trong chiến tranh, nhờ chữ Việt mà hình thành một nền văn học đặc sắc, đủ mọi thể loại văn chương. Chỉ trong vòng có 50, 60 năm mà thôi, kể từ đầu thế kỷ thứ 20 khi chữ Việt bắt đầu được dạy tại các trường học, chữ Việt đã chiếm được địa vị quan trọng hơn cả chữ Hán, chữ Nôm xưa kia.

Đến bây giờ thì chúng ta đã thấy chữ Việt phát triển đến như thế nào rồi. Không phải chỉ trong giới trí thức hay là nhà văn nhà thơ mà thôi. Ngày nay chữ Việt ở khắp mọi nẻo đường nước Việt. Người dân quê hay thành thị, người có học hay lao động, ai ai cũng biết viết chữ Việt. **Không còn tình cảnh nói một thứ tiếng mà viết một thứ tiếng khác.**

Chúng tôi hy vọng rằng bao nhiêu người đi trước chúng ta đã khổ công tạo thành, khởi xướng, khuyến khích và phát triển tiếng Việt và chữ Việt. Nay đến phiên chúng ta, chúng ta nên cố gắng giữ gìn, khai triển thêm chứ đừng để cho chữ Việt bị thoái hóa.

Mà càng nhiều người biết sử dụng chữ Việt thì chữ Việt lại càng phong phú tài tình hơn nữa. Đối với thế hệ tương lai con cháu chúng ta, chúng ta nên khuyến khích các con cháu hãy học tiếng Việt và đừng bao giờ ngưng học hỏi chữ Việt.

Để kết thúc, chúng tôi xin gửi đến quý vị mấy vần thơ của thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác:

*Ríu rít tiếng chim kêu,
Mẹ truyền con hát theo.
Nửa là tiếng nước Việt,
Lẽ nào em không yêu.*

Ngô Thị Quý Linh
Tháng 10 năm 2014